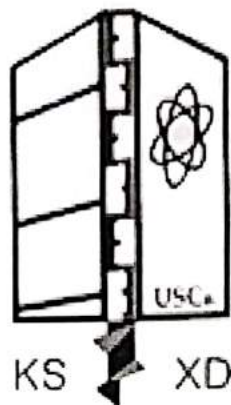


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi ngày 03/6/2021)

Địa chỉ: Số nhà 91 phố Phùng Hưng - Phường Hàng Mã

Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: 02438252725; Fax: 02438245708; Website: <http://www.usco.vn>

Hà Nội, tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG-USCO, NĂM 2021

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: *Số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2004, đăng ký thay đổi ngày 03/6/2021.*

- Vốn điều lệ: *55.000.000.000 đồng*

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: *55.000.000.000 đồng*

- Địa chỉ: *Số 91 Phùng Hưng, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

- Số điện thoại: *(84-24). 38252725*

- Số fax: *(84-24). 38245708*

- Website: *<http://www.usco.vn>. <http://www.usco.com.vn>*

- Mã cổ phiếu (nếu có): *USC*

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO trước kia là Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng. Trước tháng 7/2006, Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng, từ ngày 21/7/2006 Công ty trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam-CTCP thuộc Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Viện Khảo sát địa chất trực thuộc Bộ Kiến trúc (Nay là Bộ Xây dựng) được thành lập ngày 06/10/1960 theo Quyết định số 746/BKT ngày 06/10/1960 của Bộ Kiến trúc.

Ngày 14/4/1964 được chuyển Viện Khảo sát địa chất thành Viện Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) theo Quyết định số 415/BKT ngày 14/4/1964 của Bộ Kiến trúc.

Từ 30/5/1975 chuyển Viện Khảo sát đo đạc thành Công ty Khảo sát đo đạc trực thuộc Bộ theo Quyết định số 292/BXD ngày 30/5/1975 Bộ Xây dựng.

Từ tháng 8/1976 chia tách Công ty Khảo sát đo đạc thành 2 Công ty: Công ty Khảo sát Vật liệu xây dựng và Công ty Khảo sát đo đạc.

Từ 07/7/1978 thành lập Liên hiệp các xí nghiệp Khảo sát xây dựng trên cơ sở hợp nhất hai Công ty (Khảo sát vật liệu xây dựng và Khảo sát đo đạc) theo Quyết định số 1187/BXD-TCCB ngày 07/7/1978 của Bộ Xây dựng. Tên tiếng Anh là Union of Survey Companies, tên viết tắt là USCO.

Từ 06/01/1996 thành lập Công ty Tư vấn Khảo sát đo đạc trên cơ sở chấm dứt hoạt động của Liên hiệp các xí nghiệp khảo sát xây dựng theo Quyết định số 17/BXD-TCLĐ ngày 06/01/1996 của Bộ Xây dựng (USCO).

Từ 19/3/1997 đổi tên Công ty Tư vấn Khảo sát và đo đạc thành Công ty Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 166/BXD-TCLĐ ngày 19/3/1997 của Bộ Xây dựng.

Từ 11/5/2004 chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 11/QĐ-BXD ngày 11/5/2004 của Bộ Xây dựng.

Từ 04/10/2004 sửa đổi tên đầy đủ Công ty TNHH một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng (USCO) theo Quyết định số 1546/QĐ-BXD ngày 04/10/2004 của Bộ Xây dựng.

Từ ngày 21/7/2006 Chuyển Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng sang trực thuộc Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam, Bộ Xây dựng theo Quyết định số 1061/QĐ-BXD ngày 21/7/2006 của Bộ Xây dựng.

Ngày 26/9/2014, Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khảo sát và Xây dựng thành công ty cổ phần theo quyết định số 1190/QĐ-BXD và được điều chỉnh bởi Quyết định 1526/QĐ-BXD ngày 23/12/2014 của Bộ Xây dựng.

Ngày 10/12/2014, Công ty đã tổ chức thành công bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong đó:

- Số cổ phần đưa ra đấu giá: 1.618.500 cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.100 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần bán được 1.618.500 cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 10.111 đồng/cổ phần
- Tổng số nhà đầu tư trúng giá: 24 NĐT
- Tổng giá trị cổ phần bán được: 16.364.950.000 đồng

Ngày 31/12/2014, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ngày 12/01/2015, Công ty TNHH Một thành viên Khảo sát và Xây dựng được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107123, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2004 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 55.000.000.000 đồng.

Ngày 8/12/2016, Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8055/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

Ngày 5/01/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 07/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 5.500.000 cổ phiếu.

Ngày 6/02/2017, Công ty chính thức đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường UPCOM.

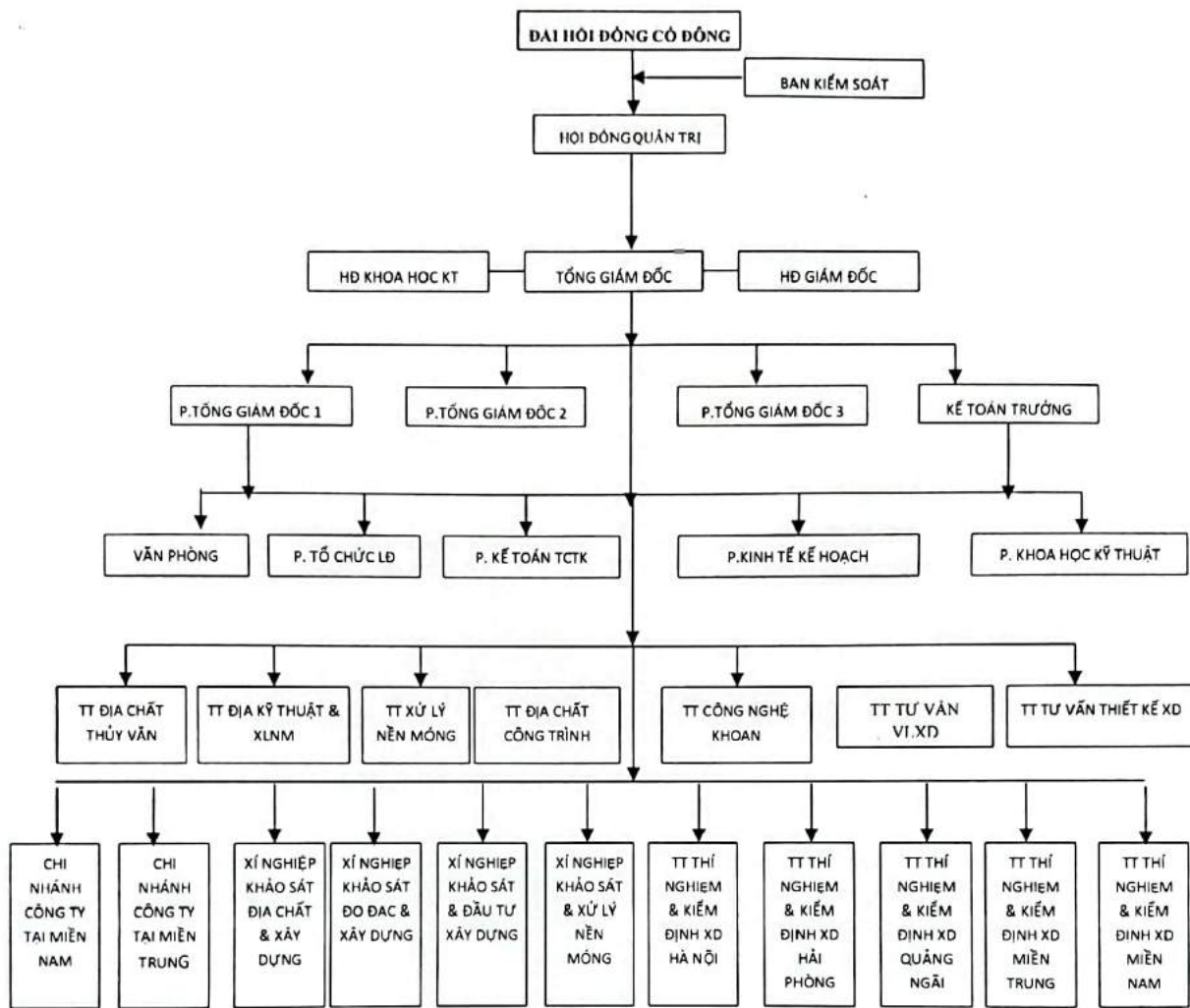
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Tư vấn khảo sát, thiết kế và xây lắp cho các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy điện, cấp nước, thoát nước và môi trường; Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò VLXD, đo đạc địa hình, thăm dò các mỏ kim loại, xử lý nền móng các công trình xây dựng; đầu tư các dự án bất động sản; Tư vấn xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng và công tác thí nghiệm. Cụ thể như sau:

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng công trình
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng.
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

- Địa bàn kinh doanh: Hiện tại Công ty cung cấp dịch vụ trên địa bàn khắp cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - Cơ cấu tổ chức – quản lý Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc: Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty theo sự phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc.

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng phụ trách thực hiện công tác tài chính, kế toán thống kê của Công ty.

Các phòng ban chức năng Công ty: Thực hiện các chức năng quản lý theo nhiệm vụ được phân công, bao gồm:

- Phòng Tổ chức.
- Văn phòng Công ty.
- Phòng Kế toán tài chính.
- Phòng Kinh tế Kế hoạch.
- Phòng Khoa học kỹ thuật.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty:

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty. Bao gồm các Trung tâm:

- Trung tâm Địa chất thùy văn
- Trung tâm Địa chất công trình
- Trung tâm Địa kỹ thuật xử lý nền móng.
- Trung tâm Công nghệ khoan
- Trung tâm Xử lý nền móng
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế xây dựng

Các Công ty con: Là các Công ty thành viên có số vốn góp đầu tư hoặc có số cổ phần của Công ty USCO trên 50% vốn điều lệ của công ty thành viên.

Các Công ty liên kết: Là các Công ty thành viên có số vốn góp đầu tư hoặc có số cổ phần của Công ty USCO dưới 50 % vốn điều lệ của công ty thành viên.

Các công ty con hoặc Công ty liên kết của Công ty USCO được tổ chức dưới hình thức là công ty cổ phần hoặc công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Hiện nay, Công ty có 11 đơn vị thành viên là các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, có con dấu và tài khoản riêng. Các đơn vị trực thuộc của Công ty hiện có trụ sở nằm trên nhiều địa phương trong cả nước.

Dựa theo vị trí địa lý, quy mô sản xuất của từng đơn vị, đặc thù vùng miền và ngành nghề kinh doanh, sau khi thực hiện xong cổ phần hóa của Công ty USCO, trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tái cơ cấu chuyển đổi một số chi nhánh của Công ty hiện tại thành các Công ty con hoặc Công ty liên kết và đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty. Việc quyết định thành lập các công ty con và công ty liên kết sẽ được xem xét ở từng thời điểm thích hợp và được thông qua Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần USCO và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Định hướng phát triển

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO, lấy những lĩnh vực truyền thống như khảo sát Địa chất công trình, Địa chất thủy văn, Thăm dò VLXD, Đo đạc địa hình, Đo đạc công trình là chính, mở rộng các lĩnh vực khác như Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, Thăm dò các mỏ kim loại, Xử lý nền móng các công trình xây dựng; Đầu tư các dự án bất động sản trên cơ sở tiềm năng sẵn có của Công ty.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về lãi suất: Trong năm, lãi suất ngân hàng biến động cả chiều huy động và chiều cho vay. Công ty chỉ vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng (số lượng rất nhỏ) không ảnh hưởng bởi lãi suất.

- Rủi ro về lạm phát: Tình hình lạm phát trong năm qua không ổn định, giá cả các mặt hàng đầu vào là nguyên vật liệu (nguyên liệu thép xây dựng) trong quá trình sản xuất của Công ty như nhiên liệu, bột bentonit, mũi khoan, cần khoan, ống chống, giấy in, mực in... biến động gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Biến động về tỷ giá: Công ty có một số hợp đồng ký với nhà đầu tư nước ngoài, có phát sinh ngoại tệ là đồng USD nhưng giá trị không lớn, ít phát sinh, ngoại tệ về bán ngay nên chênh lệch tỷ giá không đáng kể, không có ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí cũng như doanh thu của doanh nghiệp.

- Rủi ro về tăng trưởng kinh tế: Nền kinh tế nói chung có phục hồi nhưng tăng trưởng chậm. Mặt khác, khảo sát địa chất, khảo sát vùng nguyên liệu cho các nhà máy xi măng là lĩnh vực hoạt động chính mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho công ty thì hiện nay Nhà nước đang hạn chế đầu tư nên công ty gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm công ăn việc làm.

- Rủi ro về ngành nghề: Công ty vẫn coi khảo sát địa chất, địa hình, khoan thăm dò nguồn nguyên liệu, thí nghiệm mẫu, thí nghiệm vật liệu... là thế mạnh chủ lực. Tuy nhiên, hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp mở thêm các ngành nghề này với giá cả rất thấp tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt nên thị trường của công ty ngày càng thu hẹp. Ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cũng như đời sống của người lao động trong công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá chung

Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được thông qua tại Nghị quyết số 20/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021- Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO.

Ngay từ những ngày đầu năm, Ban lãnh đạo Công ty đã triển khai các biện pháp quyết liệt nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch năm, thực hiện nhiệm vụ kép vừa sản xuất song hành cùng phòng chống dịch bệnh Covid 19. Cán bộ lãnh đạo Công ty, thủ trưởng các Phòng ban, các đơn vị trực thuộc đều phải quán triệt một tinh thần cao nhất đó là hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra, thể hiện những điểm chính sau:

1. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chính đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

2. Tình hình tài chính lành mạnh đảm bảo thanh khoản tốt. Chú trọng thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lương, thuế và các khoản nợ khi đến hạn.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh, đúng các quy định về công tác quản lý tài chính; chấp hành tốt các luật thuế, luật bảo hiểm, luật lao động ... (tuy nhiên một số Chi nhánh do doanh thu thấp đã thực hiện chưa tốt, còn nợ đọng).

4. Nguồn vốn của doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Chế độ, đời sống, thu nhập của Người lao động được thực hiện đầy đủ và ổn định.

5. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, bảo đảm chất lượng công trình xây dựng và chống thất thoát, lãng phí; nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất.

6. Công tác kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty đã được thực hiện đồng bộ, thường xuyên ở các phòng ban và các đơn vị trực thuộc. Năm 2021 Công ty đã triển khai công tác quy hoạch, sắp xếp, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại một số cán bộ cấp Công ty và các Chi nhánh theo đúng quy định. Các đồng chí được bổ nhiệm đã từng bước nắm bắt công tác quản lý, tiếp cận thị trường để ổn định điều hành, phát triển sản xuất.

7. Công tác quản trị: Xây dựng hoàn thiện và triển khai tốt các quy chế quản lý, nội quy, quy định nội bộ. Phân công và giao nhiệm vụ cho mỗi cấp rõ ràng, đúng chức trách nhiệm vụ, công tác tổ chức nhân sự ở các phòng và các chi nhánh của Công ty được đánh giá nghiêm túc đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

8. Hệ thống các văn bản, quy định, quy trình được triển khai theo đúng quy định của. Liên tục cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước, quy định của Pháp luật nhằm đáp ứng kịp thời đáp ứng công tác quản lý và điều hành sản xuất.

9. Tích cực đẩy nhanh tiến độ làm thủ tục cấp phép đầu tư các dự án công ty thi công.

b, Những nét chính về kết quả kinh doanh năm 2021

+ Thuận lợi

- Thương hiệu USCO trong các lĩnh vực sản xuất truyền thống như: Khảo sát thăm dò tài nguyên; ĐCCT; ĐCTV; khảo sát địa hình; xử lý nền móng; Tư vấn kiểm định vật liệu, công trình xây dựng... vẫn được khẳng định và được đánh giá cao trên thị trường.

- Lĩnh vực xây lắp tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản lượng và doanh thu, tạo việc làm và lợi nhuận.

Tập thể CBCNV trong toàn Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết một lòng, gắn bó, chia sẻ những khó khăn để từng bước đơn vị vượt qua khó khăn thách thức.

+ Khó khăn

Những lĩnh vực hoạt động của USCO trong nhiều năm trở lại đây không còn lợi thế do tính đặc thù nên chịu sự cạnh tranh rất khốc liệt trên thị trường, các chi nhánh quy mô sản xuất nhỏ lại phân tán trên nhiều địa phương nên khó khăn trong việc cơ cấu lại bộ máy nhân sự và tổ chức sản xuất; các chi phí cố định, khấu hao, chi phí quản lý chung còn cao (mặc dù đã cắt giảm tối thiểu) do phải duy trì nhiều bộ máy hoạt động gián tiếp tại các chi nhánh; chi phí trả tiền thuê văn phòng, thuê đất ngày một tăng, hầu hết không được trong diện giảm do ảnh hưởng dịch bệnh covid do các cơ sở nhà đất này không có hợp đồng thuê đất (hết hạn từ 10 năm trở về trước nhưng các địa phương không ký gia hạn hợp đồng thuê, mặc dù USCO có nhiều công văn đề nghị). Các cơ sở nhà thuê làm trụ sở làm việc tại TP Hồ Chí Minh, Nha Trang đi thuê của Công ty kinh doanh Nhà thành phố cũng không được giảm giá do không có chủ trương chỉ đạo của thành phố. Đặc biệt năm 2021 dịch bệnh hoành hành trên khắp cả nước, nguồn công việc bị giảm nhiều, có hợp đồng đã ký nhưng

không được thi công. Do quy định giãn cách xã hội nên khó khăn trong việc tiếp xúc khách hàng để tìm kiếm công việc và chỉ đạo sản xuất tại các công trường. Các chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh, miền Trung bị ảnh hưởng nặng nề, có những Chi nhánh có tới 2/3 số CBCNV bị F0, đơn vị phải nghỉ hoàn toàn mấy tháng theo quy định. Các Chi nhánh còn lại cũng luôn trong tình trạng hoạt động cầm chừng.

Trong năm 2021 giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của các Chi nhánh rất thấp hầu hết không hoàn thành kế hoạch công ty giao, thậm chí lỗ và tiềm tàng thua lỗ; thu nhập người lao động rất thấp. Công ty USCO hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề truyền thống là khảo sát, đo đạc, thí nghiệm kiểm định, thiết kế, xử lý nền móng. Những lĩnh vực này qua các năm gần đây gặp rất nhiều khó khăn do thị trường bị thu hẹp, cạnh tranh không lành mạnh, đơn giá ngày càng giảm, đặc biệt môi trường làm việc vất vả, thu nhập thấp nên rất khó thu hút được người lao động trong xã hội tham gia, đặc biệt lao động có trình độ, tay nghề cao. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, sản lượng, việc làm, thu nhập của người lao động theo kế hoạch đề ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

• **Lĩnh vực tư vấn**

- Tư vấn: Lĩnh vực tư vấn đạt khoảng 40% giá trị tổng doanh thu. Trong lĩnh vực này ngày càng có sự cạnh tranh khốc liệt, các hợp đồng thực hiện có giá trị nhỏ, đơn giá rất thấp, các công trình ở xa trụ sở, kho bãi tập kết thiết bị máy móc. Điều đó ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp tới chi phí, giá thành sản phẩm và lợi nhuận công trình. Giá trị sản xuất trong lĩnh vực này được tập hợp từ 11 chi nhánh và khối cơ quan công ty thực hiện, nhiều chi nhánh có giá trị doanh thu đạt dưới ngưỡng hòa vốn dẫn đến thua lỗ.

• **Lĩnh vực xây lắp:**

- Lĩnh vực xây lắp: Cơ cấu giá trị xây lắp chiếm 60% tổng giá trị doanh thu. Các dự án USCO thực hiện đều đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn lao động và mỹ thuật công trình được các Chủ đầu tư đánh giá cao.

- **Lĩnh vực đầu tư, XDCB năm 2021:**

+) **Về đầu tư** : Chủ trương của Công ty là xã hội hóa các khoản đầu tư trang thiết bị máy thi công để tăng vai trò làm chủ, tăng ý thức bảo quản, sử dụng tài sản và tìm kiếm công việc để nâng cao hiệu quả đầu tư.

+) **Về đầu tư** : Trong năm Công ty đã quyết định đầu tư mới: máy nén thủy lực 2000KN; máy đo nghiên ZCT-CX03E-XP 230 để phục vụ sản xuất kinh doanh cho Chi nhánh Công ty tại Miền Trung.

+) **Về mở rộng sản xuất, phát triển thị trường** : Chỉ đạo các đơn vị thành viên bám sát thị trường, đối tác truyền thống để triển khai các lĩnh vực sản xuất là thế mạnh của thương hiệu USCO. Đẩy mạnh sản xuất trong lĩnh vực xử lý nền móng, xây lắp công trình.

+) **Về việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng của Công ty như sau:**

• **Dự án tại số 5 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội:**

USCO đã góp 20 tỷ để thành lập pháp nhân mới thực hiện dự án theo hướng dẫn của TP Hà Nội. Nguồn vốn huy động để góp: Vay công ty CP đầu tư, thiết kế và xây dựng Việt Nam với lãi suất 0% đến hết năm 2021. Dự án đã triển khai các

hạng mục: Khoan khảo sát ĐCCT; khoan cọc nhồi thí nghiệm phục vụ thiết kế bản vẽ thi công. Hiện dự án đang chờ sự hướng dẫn của các cơ quan quản lý để tiếp tục hiện hiện các bước tiếp theo.

- **Dự án Văn phòng, Khu nhà ở Công ty Khảo sát và Xây dựng tại Thôn Tứ Kỳ, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Hà Nội:**

Liên danh USCO – Phương Thắng đang làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để có văn bản chấp thuận của UBND TP Hà Nội giao đất, cấp phép xây dựng để sớm triển khai dự án.

- **Dự án tại lô đất số 303 Trịnh Đình Trọng:**

Dự án chưa triển khai, hiện UBND TP Hồ Chí Minh đang có chủ trương thu hồi đất để thực hiện quy hoạch của Thành phố.

- **Dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại số 226 Trịnh Đình Trọng, TP Hồ Chí Minh:**

Dự án đã xong phần thiết kế, quy mô xây dựng 02 tầng, diện tích xây dựng: 265 m2, USCO đã ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn thiết kế, lập dự toán và triển khai hồ sơ xin cấp phép xây dựng. Khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ lại sở nhà đất 65 Bis Mạc Đĩnh Chi theo đúng phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và yêu cầu của Thành phố Hồ Chí Minh, do vấn đề dịch bệnh covid 19 nên dự án vẫn chưa triển khai.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	KH năm 2021	TH 2021 (theo BCTC đã được kiểm toán)	Thực hiện 2021 so với KH 2021
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đg	180.0	151.501	84%
2	Doanh thu (không thuế VAT)	Tr.đg	170.0	140.899	83%
2.1	Lĩnh vực Tư vấn	Tr.đg	70.0	55.0	
2.2	Lĩnh vực xây lắp	Tr.đg	100.0	85.899	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	3,300	2,745	83%
4	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu	%	5.45	4,94	
5	Tổng các khoản nộp Ngân sách	Tr.đg		4,977	
6	Lao động và thu nhập				
6.1	Lao động sử dụng b/quân trong năm	Người	350	295	84%
6.2	Thu nhập bình quân 1 người/ tháng	Tr.đg	7,500	7,575	101%
6.3	Các khoản ủng hộ biên đảo, Quỹ Covid-19 và từ thiện trong năm	Tr.đg		183	

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành:

1. Ông: Nguyễn Trọng Thoáng	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/5/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	034072000031
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại	0913517422
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ XDCT Thủy
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 10/1996 – 7/2004	Thí nghiệm viên – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 8/2004 – 12/2009	Phó Giám đốc - TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 01/2010 – 8/2011	Giám đốc – TT Thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 9/2011 - 11/2012	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng kiêm Giám đốc – TT thí nghiệm và kiểm định xây dựng Hải Phòng
+ 11/2012 - 7/2013	Phó Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 8/2013 – 12/2014	Tổng giám đốc – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và xây dựng
+ 01/2015 – nay	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khảo sát và xây dựng - USCO
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.411.600 cổ phần, chiếm 25,67% V'DL. Trong đó: - Cổ phần sở hữu cá nhân là 36.700 CP chiếm 0,67% V'DL - Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam – CTCP: 1.374.900 CP chiếm 25% V'DL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Ông: Trần Ngọc Sang	Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/3/1967
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	037067000035
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	TT Đại học mỏ địa chất – Cổ Nhuế - Bắc Từ Liêm - HN
-Điện thoại:	0987666889
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất công trình
- Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/2005	Công tác tại Công ty Tư vấn Xây dựng dân dụng Việt Nam
+ Từ tháng 01/2006 đến tháng 10/2009	Phó giám đốc XN Khảo sát và KĐXD, Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam
+ Từ tháng 11/2009 đến tháng 7/2010	Giám đốc Trung tâm Địa kỹ thuật và Xử lý nền móng – Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ 08/8/2010 đến 31/12/2014	Phó tổng giám đốc Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ 01/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	40.084 cổ phần, chiếm 0,72% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

3. Ông: Trần Minh Đức	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	27/8/1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001077001468

3. Ông: Trần Minh Đức	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P302, E6 Phương Mai, Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
-Điện thoại:	0983525060
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Địa chất
- Quá trình công tác:	
+ 1/2001 đến tháng 10/2006	Cán bộ kỹ thuật phòng Khoa học kỹ thuật – Công ty Khảo sát và Xây Dựng
+ Từ tháng 11/2006 đến tháng 05/2013	Phó trưởng phòng khoa học kỹ thuật – Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng
+ Từ tháng 05/2013 đến tháng 05/2015	Phó trưởng phòng phụ trách phòng khoa học kỹ thuật- Công ty TNHH nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty cổ phần khảo sát và xây dựng - USCO
+ Từ 05/2015 đến 03/2017	Trưởng phòng khoa học kỹ thuật – Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO
+ Từ 01/04/2017 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO kiêm trưởng phòng Khoa học kỹ thuật.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó tổng giám đốc công ty kiêm trưởng phòng KHKT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.900 cổ phần, chiếm 0.03% VDL
Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

4. Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Chức vụ: Kế toán trưởng
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	4/3/1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	025179000435
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P.504C TT Vật liệu Điện, P. Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại	04-39232011
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
+ 11/2003 – 9/2010	Nhân viên Phòng Kế toán tài chính thống kê Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng
+ 10/2010 – 3/2015	Phó phòng Kế toán tài chính thống kê Công ty TNHH NN MTV Khảo sát và Xây dựng nay là Công ty CP Khảo sát và Xây dựng – USCO
+ Từ tháng 4/2015	Kế toán trưởng Công ty CP Khảo sát và Xây dựng –

4. Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Chức vụ: Kế toán trưởng
	USCO
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần nắm giữ	5.276 cổ phần chiếm 0,096% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Số lượng cán bộ, nhân viên: (thời điểm 31/12/2021)

Nội dung	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân loại theo thời hạn hợp đồng	191	
Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ		
Người đại diện phần vốn của Cty tại Cty Liên kết		
Hợp đồng không xác định thời hạn (A)	191	
Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm (B)		
Lao động dưới 1 năm		
Phân loại theo trình độ lao động		
Trên đại học	14	
Kỹ sư, cử nhân	107	
Cao đẳng, Trung cấp	33	
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật, Lao động phổ thông	37	
Phân loại theo giới tính		
Nam	134	
Nữ	57	
Phân loại theo độ tuổi lao động		
Dưới 26		
Từ 26 – 30	22	
Từ 31- 50	154	
Từ 51 – 60	15	
Phân loại theo địa điểm		
Tại các Văn phòng Công ty (gồm VCQL)		
Tại chi nhánh (đơn vị trực thuộc, đơn vị SX)		
Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty LK (Cty Cổ phần SDC – USCO)		

USCO có nguồn nhân lực với chất lượng tương đối cao, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm trên 85%. Với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là tư vấn Khảo sát phục vụ cho xây dựng, USCO luôn đặt mục tiêu là doanh nghiệp khoa học - sản xuất và có những điểm mạnh sau:

- Cơ cấu đội ngũ lao động tương đối phù hợp về trình độ (theo các cấp độ đào tạo khác nhau phù hợp với công việc đảm nhận) và về kinh nghiệm làm việc.

- Đội ngũ cán bộ được đào tạo tương đối bài bản, có kiến thức và kỹ năng tốt về lĩnh vực khảo sát, xây dựng.

- Hầu hết cán bộ, công nhân viên đều có tâm huyết, gắn bó với Công ty với 98,5% tổng số lao động có hợp đồng không xác định thời hạn. Các cán bộ công nhân viên trong Công ty đều có ý thức xây dựng Công ty ngày càng lớn mạnh, chấp hành tốt kỷ luật lao động, có kỹ năng làm việc tốt.

- Về lao động và trình độ lao động: hiện tại, Công ty có 191 người; trong đó:

+ 134 nam; 57 nữ. 14 cán bộ trên đại học, chiếm 7,4 % /tổng lao động của Công ty
107 cán bộ đại học, chiếm 56% /tổng lao động của Công ty

+ 70 cán bộ cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông, chiếm 36,6% / tổng lao động của Công ty

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp: Hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV tham gia tập huấn, cập nhật các chế độ, chính sách mới, cập nhật công nghệ mới, đào tạo nâng lương, nâng bậc ... Công ty đã xây dựng được hệ thống thang, bảng lương và đã được phòng Lao động thương binh và xã hội Quận Hoàn Kiếm chấp thuận áp dụng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Xem tại mục II. Tình hình hoạt động trong năm

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính (đơn vị tính đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	247.400.659.286	235.074.142.832	-5%
Doanh thu thuần	228.386.280.141	140.898.561.035	-38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.633.702.961	2.939.511.308	-19%
Lợi nhuận khác	-536.368.187	-194.381.658	+64%
Lợi nhuận trước thuế	3.097.334.774	2.745.129.650	-11%
Lợi nhuận sau thuế	2.437.131.255	2.323.262.908	-5%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,23	1,26	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			

Báo cáo thường niên năm 2021

(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)	0,86	0,86	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,76	0,75	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,16	2,96	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,26	2	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,92	0,6	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,016	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,039	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,01	0,01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,016	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do của cổ đông: 5.279.200 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 220.800 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết

chứng khoán tại nước ngoài: Không có

b) Cơ cấu cổ đông:

• Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước			
Tổ chức	1	3.176.600	57,76
Cá nhân	312	2.323.400	42,24
II. Cổ đông nước ngoài			
Tổ chức	0	0	0
Cá nhân	0	0	0
III. Cổ phiếu quỹ			
Tổng	313	5.500.000	100

• **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

STT	Tên cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ
1	Trần Linh Trang	001170008907	Số 08 ngõ Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	564.565	10,26%
2	Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	0100105278	Số 243 Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội.	3.176.600	57,76%
Tổng cộng				3.741.165	68,02%

• **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ:**

Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện Cổ phần hóa và không có cổ đông sáng lập tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (12/01/2015).

• **Công ty mẹ: Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ : 243A Đê La Thành – P. Láng Thượng – Q. Đống Đa – Tp. Hà Nội.

Điện thoại : 84.4) 37 667 463 - 37 667 471

Giấy CNDKDN : 0100105278 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 7/10/2016 .

Hoạt động kinh doanh chính : Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Vốn điều lệ : 357.744.480.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2021 : 57,76%

Giá trị vốn góp : 31.766.000.000 đồng

• **Công ty con: Không có**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2021, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2021, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Công ty chủ yếu sử dụng điện phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Ưu tiên sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng điện trong giờ cao điểm.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty chủ yếu sử dụng nguồn nước máy phục vụ các hoạt động văn phòng tại Công ty và các chi nhánh.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc là 191 người, mức lương trung bình đối với người lao động là 7,5 triệu đồng/ng/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

Công đoàn Công ty luôn bám sát nhiệm vụ tập trung chỉ đạo các CĐCS trực thuộc thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch được giao. Các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành luôn bám sát cơ sở để chỉ đạo và tham gia tổ chức các phong trào thi đua sản xuất (nhất là ở các công trình trọng điểm có số lượng cán bộ, công nhân tham gia lớn như: dự án nâng cao năng lực Cảnh sát biển Vùng 3 tại vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa, dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, dự án: nâng cao năng lực Cảnh sát biển Vùng 1 tại Hải Phòng.

Làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền hiểu biết kiến thức pháp luật và các quy định của Nhà nước, của Công ty nên năm 2021 mặc dù việc làm, thu nhập của người lao động trong Công ty còn thấp nhưng toàn công ty không để xảy ra đình công, bãi công, khiếu kiện tập thể.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, mặc dù diễn biến phức tạp của dịch bệnh, các công đoàn cơ sở căn cứ vào điều kiện thực tế xây dựng một số hoạt động thiết thực nhằm xây dựng khối đoàn kết và động viên tinh thần chăm lo đời sống CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty thường xuyên tổ chức, cử đi tập huấn tại các lớp đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn cho đội ngũ cán bộ, công nhân nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật, tay nghề. VD cử CB đi đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề, mở lớp tập huấn về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức và đăng ký cho người lao động tham gia các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, tổ chức tập huấn công tác ATLĐ và vệ sinh, phòng chống cháy nổ trên lớp cũng như ngoài hiện trường.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty vận động CBCNV quyên góp ủng hộ các quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, ủng hộ biển đảo, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các lĩnh vực SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid19, bên cạnh đó có sự cạnh tranh rất lớn, khốc liệt trên thị trường dẫn tới đơn giá bị giảm mạnh, khối lượng công việc phải thực hiện nhiều nhưng hiệu quả SXKD thấp. Công ty đã rất nỗ lực cố gắng để vượt qua khó khăn thử thách. Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân người lao động và các khoản trích nộp ngân sách đều đạt kế hoạch đề ra.

Kết quả sản xuất kinh doanh ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực tư vấn**

- Tư vấn: Lĩnh vực tư vấn đạt khoảng 40% giá trị tổng doanh thu. Trong lĩnh vực này ngày càng có sự cạnh tranh khốc liệt, các hợp đồng thực hiện có giá trị nhỏ, đơn giá rất thấp, các công trình ở xa trụ sở, kho bãi tập kết thiết bị máy móc. Điều đó ảnh hưởng rất lớn và trực tiếp tới chi phí, giá thành sản phẩm và lợi nhuận công trình. Giá trị sản xuất trong lĩnh vực này được tập hợp từ 11 chi nhánh và khối cơ quan công ty thực hiện, nhiều chi nhánh có giá trị doanh thu thấp.

• **Lĩnh vực xây lắp:**

- Lĩnh vực xây lắp: Cơ cấu giá trị xây lắp chiếm 60% tổng giá trị doanh thu. Các dự án USCO thực hiện đều đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn lao động và mỹ thuật công trình được các Chủ đầu tư đánh giá cao.

• **Một số hợp đồng lớn, trọng điểm thực hiện trong năm 2021:**

- Dự án nâng cao năng lực Cảnh sát biển Việt Nam- Vùng 1 tại Hải Phòng.
- Xây dựng showroom Mercedes Benz của Công ty An Du tại Quảng Ninh.
- Dự án thăm dò đánh giá trữ lượng, lập hồ sơ xin cấp phép mỏ đá vôi Lam Sơn 3 thuộc nhà máy xi măng Long Sơn.
- Thi công khoan thăm dò kết hợp khai thác giếng G2 trạm cấp nước sân bay Gia Lâm.

- Mua sắm lắp đặt thiết bị quan trắc và khoan giếng quan trắc cho các giếng khai thác nước thuộc Công ty nước sạch Hà Nội.

- Khảo sát lập đề án xin giấy phép thăm dò mỏ đá sét Gia Hòa mở rộng của Công ty Cổ Phần Vissai Ninh Bình.

- Khoan khảo sát ĐCCT các hạng mục thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm hội nghị - Biểu diễn thành phố; Trung tâm hành chính; Khu xử lý nước thải và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm.

- Khảo sát địa chất cho hạng mục Khách sạn – Dự án tổ hợp khách sạn, văn phòng trung tâm thương mại – dịch vụ tại lô đất B3-CC2 Starlake- Hà Nội.

- Khảo sát địa kỹ thuật phụ vụ TKCS và TKBVTC khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây – Ô H1- HH1 tại quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- Khảo sát địa kỹ thuật Lô B1-CC4-Khu trung tâm khu đô thị Tây Hồ Tây quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Khảo sát lập đề án xin giấy phép thăm dò mỏ nước khoáng Kênh Gà của Công ty Cổ phần Bán đảo Kênh Gà.

Những công trình Công ty đã và đang triển khai đều đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng được đối tác tin tưởng đánh giá cao.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	MCT	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.944.983.423	206.738.728.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.249.933.225	6.731.249.730
1. Tiền	111		3.914.117.583	6.431.249.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		335.815.642	300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.586.895.599	116.164.435.883
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		54.390.559.909	60.391.754.971

Báo cáo thường niên năm 2021

2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.548.207.658	13.216.558.821
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		35.648.128.032	42.556.122.091
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		62.405.706.501	61.352.265.674
1. Hàng tồn kho	141		62.405.706.501	61.352.265.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.702.448.098	22.490.777.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.820.546.838	2.765.880.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.832.728.021	19.685.073.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		49.173.239	39.822.558
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.129.159.409	40.661.930.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	209.380.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		100.000.000	209.380.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		12.054.381.277	12.895.103.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221		10.997.996.477	11.838.718.311
- Nguyên giá	222		60.996.436.275	60.798.936.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-49.998.439.798	-48.960.217.964
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.615.000	40.615.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.615.000	40.615.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.375.000.000	20.375.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		375.000.000	375.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.559.163.132	7.141.832.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.559.163.132	7.141.832.728
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		235.074.142.832	247.400.659.286

Công ty luôn sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản cố định được phân giao cụ thể đến bộ phận quản lý, sử dụng, hàng kỳ

được trích khấu hao đầy đủ theo quy định; cuối kỳ thực hiện kiểm kê xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có). Các khoản nợ phải thu đều có đối chiếu công nợ, một số khoản phải thu khách hàng từ nhiều năm đã được trích lập dự phòng theo chế độ kế toán hiện hành. Trong kỳ giá trị hàng tồn kho cao, chủ yếu là chi phí dở dang tại công trình XD bến nâng hạ tàu tại cảng biển VCG1 tại Hải Phòng do công trình đang thi công dở dang chưa được nghiệm thu bàn giao; các khoản phải thu ngắn hạn khác đây chủ yếu là các khoản tạm ứng mới để mua vật tư thi công trình các công trình mà chưa đến kỳ hạn hoàn tạm ứng theo quy định hoặc do điều kiện thi công ở xa nên các đơn vị chưa hoàn tạm ứng kịp thời.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		175.771.372.427	187.984.020.534
I. Nợ ngắn hạn	310		155.771.372.427	167.984.020.534
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		19.220.221.873	18.450.063.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61.522.800.330	66.304.846.564
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		3.330.833.464	3.667.566.810
4. Phải trả người lao động	314		2.459.761.163	7.021.355.289
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.086.307.966	16.948.713.777
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		331.643.637	223.398.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		46.200.493.869	44.626.885.855
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		13.008.620.120	9.952.425.009
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		610.690.005	788.765.477
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		20.000.000.000	20.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		59.302.770.405	59.416.638.752
I. Vốn chủ sở hữu	410		59.302.770.405	59.416.638.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			

5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.507.497	1.979.507.497
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.323.262.908	2.437.131.255
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.323.262.908	2.437.131.255
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		235.074.142.832	247.400.659.286

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Cơ cấu các khoản nợ phải trả chủ yếu là người mua ứng trước tiền công trình, khoản vay dài hạn dùng góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân thực, các khoản nợ phải trả nhà cung cấp chưa đến hạn thanh toán, các khoản phải trả chi phí khoán công trình cho các trung tâm, tổ, đội thi công.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong kỳ công ty không có nợ phải trả xấu, số dư ngoại tệ ít nên chênh lệch tỷ giá hối đoái nên không có ảnh hưởng lớn. Chi tiết các khoản phải thu phải trả xin xem chi tiết trong báo cáo tài chính năm 2021.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Để đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị Công ty đã từng bước kiện toàn bộ máy lãnh đạo các phòng ban chức năng; bổ nhiệm mới các chức danh quản lý tại các đơn vị trực thuộc để đáp ứng kịp thời nhu cầu công việc.

- Trong năm Công ty đã tiếp tục rà soát, bổ sung, sửa đổi một số quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với mô hình hoạt động mới, rà soát bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ đúng quy định phục vụ công tác giới thiệu bổ nhiệm cán bộ. Cập nhật và phổ biến kịp thời các chế độ chính sách mới ban hành của Nhà nước đáp ứng nhu cầu sản xuất và công tác quản lý.

- Công ty đã ban hành và áp dụng thang bảng lương mới để đóng BHXH cho người lao động theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ (tuy nhiên ở một số đơn vị do khó khăn về vốn nên tình trạng nợ đọng bảo hiểm vẫn còn tồn tại).

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục phát huy thế mạnh ngành nghề truyền thống của Công ty đó là khảo sát, đo đạc và thí nghiệm kiểm định, tư vấn quản lý dự. Nghiên cứu thị trường, nắm bắt thời cơ đầu tư đẩy mạnh hoạt động các lĩnh vực xử lý nền móng, xây lắp...

- Tăng cường công tác giao dịch, mở rộng mối quan hệ với các đối tác để tìm kiếm nguồn công việc.

- Giao kế hoạch sản xuất cụ thể, phù hợp tới từng đơn vị, cá nhân đồng thời thường xuyên theo dõi đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

- Làm tốt công tác tư tưởng cho CBCNV đồng thời hoàn thiện cơ chế khoán hợp lý hơn để động viên, khuyến khích CBCNV trong công tác tìm kiếm việc làm.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ các thủ tục cấp phép tại các cơ quan quản lý Nhà nước để triển khai các hợp đồng đã ký kết.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn sâu về lý thuyết và thực tiễn để có thể đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật cao trong lĩnh vực địa kỹ thuật, xử lý nền móng công trình.
- Chỉ đạo thi công khoa học để đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết giảm tối đa chi phí sản xuất.
- Nghiên cứu đưa ra biện pháp để thu hồi công nợ có hiệu quả.
- Chú trọng công tác an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm.
- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.
- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trên, góp phần gia tăng giá trị sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.
- Tổ chức quản lý chặt chẽ, linh hoạt, đưa ra biện pháp thi công tối ưu để chỉ đạo thi công các công trình lớn để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất (đặc biệt dự án tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Nam, Thanh Hóa).
- Bồi dưỡng nâng cao hơn nữa năng lực trình độ quản lý điều hành Công ty để đáp ứng kịp thời trong tình hình mới.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Xem tại Phần II mục 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2021 là một năm có nhiều khó khăn thách thức đối với Công ty CP Khảo sát và Xây dựng-USCO. Nguồn công việc mới về khảo sát, đo đạc, thí nghiệm kiểm định trên thị trường đã ít lại còn chịu sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá dẫn đến những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm, làm việc khoa học bài bản như Công ty USCO phải chịu nhiều áp lực làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Nhưng với sự đoàn kết một lòng của tập thể lãnh đạo, sự chia sẻ, gắn bó của toàn thể CBCNV toàn Công ty và sự ủng hộ nhiệt tình có hiệu quả của Tổng Công ty VNCC, Bộ Xây dựng, các bạn hàng, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đã đạt được những kết quả khả quan. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Đảng bộ Công ty đã làm tốt vai trò lãnh đạo mọi mặt, chỉ đạo của tổ chức đảng trong các hoạt động SXKD của Công ty.

Công đoàn Công ty có nhiều hoạt động thể hiện tốt vai trò của tổ chức đoàn thể: Luôn động viên tinh thần người lao động, phối hợp cùng chuyên môn phát động các phong trào thi đua nâng cao năng suất và an toàn lao động. Chăm lo bao vệ quyền, lợi ích chính đáng của đoàn viên và người lao động tạo sự đoàn kết và tin tưởng vào sự ổn định và phát triển của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban điều hành Công ty đã rất cố gắng thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng đã đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Công tác thị trường đã có bước phát triển mạnh và nhiều thành công.

- Trong năm 2021, Công ty đã và đang thực hiện được một số Hợp đồng kinh tế có giá trị cao tại Công ty Long Sơn, công trình của Cảnh sát biển vùng 1 tại Hải Phòng. Việc thu hồi công nợ được chú trọng và thu nhiều kết quả. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp. Luôn báo cáo đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Ban điều hành đã từng bước phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh gắn gũi với ngành nghề truyền thống góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các vấn đề theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 do ĐHCĐ giao.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết quyết định của HĐQT.

- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý, quy định nội bộ phù hợp với đặc thù và thực tế của Công ty.

- Tiếp tục tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc để tăng đề tăng tính chủ động đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận cao.

- Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu vẫn là Tư vấn Khảo sát xây dựng đồng thời mở rộng thêm lĩnh vực gắn gũi đó là thiết kế xây dựng, xử lý nền móng (Khoan phụt gia cố, chống thấm thân đập. Khoan cọc nhồi, Ép cọc...) và xây dựng hạ tầng, công trình biển, Quốc phòng an ninh.

- Hoàn thiện nhanh các thủ tục pháp lý để triển khai đối với các dự án đầu tư xây dựng.

- Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc cho người lao động. Thực hiện cơ chế khuyến khích, động viên để người lao động phát huy năng lực và gắn bó với Công ty.

- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông của Công ty.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán (chi tiết xin xem trong Báo cáo kiểm toán đính kèm Báo cáo này).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Th.s Nguyễn Trọng Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hà Nội - Tháng 2 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ – BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ – BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng – USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 04/11/2020 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Server Construction Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt: USCO

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên
Ông Nguyễn Lâm Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/11/2021)
Bà Trần Linh Trang	Thành viên
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/11/2021)
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/4/2021)
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/4/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Sang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài sự kiện tại thuyết minh 7.1 xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Trọng Thoáng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Số: 78/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		195.944.983.423	206.738.728.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.249.933.225	6.731.249.730
1. Tiền	111		3.914.117.583	6.431.249.730
2. Các khoản tương đương tiền	112		335.815.642	300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		101.586.895.599	116.164.435.883
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.390.559.909	60.391.754.971
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.548.207.658	13.216.558.821
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	35.648.128.032	42.556.122.091
IV. Hàng tồn kho	140		62.405.706.501	61.352.265.674
1. Hàng tồn kho	141	5.5	62.405.706.501	61.352.265.674
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.702.448.098	22.490.777.160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.820.546.838	2.765.880.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.832.728.021	19.685.073.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	49.173.239	39.822.558
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		39.129.159.409	40.661.930.839
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	209.380.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000	209.380.000
II. Tài sản cố định	220		12.054.381.277	12.895.103.111
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	10.997.996.477	11.838.718.311
- Nguyên giá	222		60.996.436.275	60.798.936.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.998.439.798)	(48.960.217.964)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.615.000	40.615.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.615.000	40.615.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	20.375.000.000	20.375.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		375.000.000	375.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.559.163.132	7.141.832.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	6.559.163.132	7.141.832.728
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		235.074.142.832	247.400.659.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		175.771.372.427	187.984.020.534
I. Nợ ngắn hạn	310		155.771.372.427	167.984.020.534
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	19.220.221.873	18.450.063.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	61.522.800.330	66.304.846.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.330.833.464	3.667.566.810
4. Phải trả người lao động	314		2.459.761.163	7.021.355.289
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.086.307.966	16.948.713.777
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		331.643.637	223.398.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	46.200.493.869	44.626.885.855
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	13.008.620.120	9.952.425.009
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		610.690.005	788.765.477
II. Nợ dài hạn	330		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	20.000.000.000	20.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		59.302.770.405	59.416.638.752
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	59.302.770.405	59.416.638.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.507.497	1.979.507.497
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.323.262.908	2.437.131.255
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.323.262.908	2.437.131.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		235.074.142.832	247.400.659.286

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập



Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	140.898.561.035	228.386.280.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		140.898.561.035	228.386.280.141
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	124.075.600.089	208.811.811.641
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		16.822.960.946	19.574.468.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	40.640.500	363.216.824
7. Chi phí tài chính	22	6.4	242.817.669	77.366.667
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		242.817.669	77.366.667
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.681.272.469	16.226.615.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.939.511.308	3.633.702.961
11. Thu nhập khác	31	6.6	568.833.452	2.317.647.456
12. Chi phí khác	32	6.6	763.215.110	2.854.015.643
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(194.381.658)	(536.368.187)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.745.129.650	3.097.334.774
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	421.866.742	660.203.519
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.323.262.908	2.437.131.255
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	422,41	368,00

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ng

V. Thanh Huyền



Triệu Thị Giang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.745.129.650	3.097.334.774
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.038.221.834	1.067.855.637
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40.640.500)	(635.035.006)
- Chi phí lãi vay	06		242.817.669	77.366.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.985.528.653	3.607.522.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.249.159.271	18.449.745.374
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.053.440.827)	5.495.100.127
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12.944.924.852)	(41.106.091.768)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.528.003.496	1.065.331.986
- Tiền lãi vay đã trả	14		(242.817.669)	(77.366.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(660.168.481)	(225.995.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.280.756.175	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.221.376.175)	(2.854.015.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.079.280.409)	(15.645.770.027)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(197.500.000)	(24.485.478)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	299.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40.640.500	363.216.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(156.859.500)	10.637.731.346
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		16.668.382.391	18.628.598.090
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.612.187.280)	(17.304.630.746)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.301.371.707)	(2.500.316.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.754.823.404	(1.176.348.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(2.481.316.505)	(6.184.387.531)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.731.249.730	12.915.637.261
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.249.933.225	6.731.249.730

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Ng

Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền

Vũ Thị Thanh Huyền



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ - BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ - BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 07 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Survey Construction Joint Stock Company,

Tên Công ty viết tắt: USCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 196 người (tại ngày 01/01/2021 là 265 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Gia công, sửa chữa thiết bị vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Sản xuất vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- In các ấn phẩm phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty (không bao gồm hoạt động xuất bản);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác;
- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: Đào, lấp, sang mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng, thí nghiệm và xây dựng.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Năm 2021, Công ty thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại miền Trung;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Nam;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại T.p Hồ Chí Minh;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Xử lý nền móng;
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát Đo đạc và Xây dựng;
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát địa chất và Xây dựng;
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng;
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hà Nội;
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng;
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi;
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHIẾ DỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thụ hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao (Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về giá trị cho thuê của hàng, quầy hàng khách hàng trả trước tiền thuê; Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu và các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2021, Công ty được Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị Định 92/2021 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 406/2021/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hỗ trợ doanh nghiệp khó khăn vượt qua đại dịch covid 19.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát, xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	1.047.776.792	1.171.303.920
Tiền gửi ngân hàng	2.866.340.791	5.259.945.810
Các khoản tương đương tiền	335.815.642	300.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>335.815.642</i>	<i>300.000.000</i>
Tổng	4.249.933.225	6.731.249.730

5.2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần AT	6.345.689.000	6.595.689.000
Công ty TNHH Ngọc Minh Quang	-	2.410.466.000
Công ty TNHH MTV đầu tư XD Hoàng Dân	2.172.157.000	5.017.290.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	45.872.713.909	46.368.309.971
Tổng	54.390.559.909	60.391.754.971

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	1.520.008.500	1.520.008.500
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ	1.134.651.959	-
Vận Tải Bảo An	-	-
Các đối tượng khác	8.893.547.199	11.696.550.321
Tổng	11.548.207.658	13.216.558.821

5.4. Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	35.648.128.032	-	42.556.122.091	-
Phải thu người lao động	4.451.405.345	-	4.216.288.244	-
Tạm ứng	29.251.416.815	-	36.478.813.215	-
Các đối tượng khác	1.945.305.872	-	1.861.020.632	-
Dài hạn	100.000.000	-	209.380.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	209.380.000	-
Tổng	35.748.128.032	-	42.765.502.091	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	300.191.262	-	300.191.262	-
Công cụ, dụng cụ	158.132.454	-	158.132.454	-
Chi phí SX KDDD	58.754.974.787	-	60.893.941.958	-
Hàng hóa	3.192.407.998	-	-	-
Tổng	62.405.706.501	-	61.352.265.674	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.820.546.838	2.765.880.738
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	1.820.546.838	2.765.880.738
Dài hạn	6.559.163.132	7.141.832.728
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	6.236.249.851	6.711.281.691
Giá trị lợi thế kinh doanh	322.913.281	430.551.037
Tổng	8.379.709.970	9.907.713.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	35.357.413.074	15.984.566.150	9.133.471.596	323.485.455	60.798.936.275
Tăng trong năm	-	197.500.000	-	-	197.500.000
Mua trong năm	-	197.500.000	-	-	197.500.000
Số dư tại 31/12/2021	35.357.413.074	16.182.066.150	9.133.471.596	323.485.455	60.996.436.275
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	25.566.479.827	14.358.979.627	8.722.171.911	312.586.599	48.960.217.964
Tăng trong năm	764.949.684	206.939.024	55.434.270	10.898.856	1.038.221.834
Khấu hao trong năm	764.949.684	206.939.024	55.434.270	10.898.856	1.038.221.834
Số dư tại 31/12/2021	26.331.429.511	14.565.918.651	8.777.606.181	323.485.455	49.998.439.798
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	9.790.933.247	1.625.586.523	411.299.685	10.898.856	11.838.718.311
Tại 31/12/2021	9.025.983.563	1.616.147.499	355.865.415	-	10.997.996.477

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng tại thời điểm 31/12/2021 là 23.770.135.923 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 17.790.897.090 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản đem đi thế chấp khoản vay Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2021 là nhà làm việc tại số 91 Phùng Hưng với giá trị là 2.171.629.248 đồng, (tại ngày 01/01/2021 là 2.409.695.480 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	1.056.384.800	1.056.384.800
Số dư tại 31/12/2021	1.056.384.800	1.056.384.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	-	-
Số dư tại 31/12/2021	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	1.056.384.800	1.056.384.800
Tại 31/12/2021	1.056.384.800	1.056.384.800

Tài sản cố định vô hình của Công ty với trị giá 1.056.384.800 đồng là Quyền sử dụng đất lâu dài của Lô A89, tờ Bản đồ số 00 tại địa chỉ: Khu phố mới Tân Thạnh, phường Tân Thạnh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Số 187 Lê Thánh Tôn, phường 3, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

5.9. Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư - phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000			375.000.000		
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	375.000.000		-	375.000.000		-
Tổng	20.375.000.000	(*)	-	20.375.000.000	(*)	-

(*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	-	-	-	-
Xí nghiệp sản xuất cao su nhựa - KDTM Phương Viên	476.432.000	476.432.000	1.498.728.000	1.498.728.000
Công ty CP Công nghiệp L.Nhất	-	-	1.011.707.352	1.011.707.352
Công ty TNHH Tân Thịnh Phát	-	-	1.064.440.000	1.064.440.000
Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	1.449.300.000	1.449.300.000	-	-
Các đối tượng khác	17.294.489.873	17.294.489.873	14.875.188.219	14.875.188.219
Tổng	19.220.221.873	19.220.221.873	18.450.063.571	18.450.063.571

5.11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty URS Federal Services International, Inc - Văn phòng đại diện tại Việt Nam	24.673.059.530	37.661.729.204
Các đối tượng khác	33.313.072.800	25.106.449.360
Tổng	61.522.800.330	66.304.846.564

5.12. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	3.667.566.810	4.640.147.998	4.976.881.344	3.330.833.464
Thuế giá trị gia tăng	2.332.536.599	2.834.879.636	3.322.053.102	1.845.363.133
Thuế thu nhập doanh nghiệp	660.168.481	421.866.742	660.168.481	421.866.742
Thuế thu nhập cá nhân	61.098.802	130.259.489	147.157.222	44.201.069
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	608.610.141	1.134.706.357	734.809.303	1.008.507.195
Thuế Môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.152.787	104.435.774	98.693.236	10.895.325
Phải thu	39.822.558	28.595.065	37.945.746	49.173.239
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	-	6.000.000	6.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	17.010.498	-	-	17.010.498
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	22.812.060	28.595.065	31.945.746	26.162.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	9.086.307.966	16.948.713.777
Chi phí trích trước giá thành công trình	9.086.307.966	16.948.713.777
Tổng	9.086.307.966	16.948.713.777

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	46.200.493.869	44.626.885.855
Kinh phí công đoàn	567.637.843	429.109.253
Bảo hiểm xã hội	2.791.477.483	2.149.778.427
Bảo hiểm y tế	151.922.363	101.392.161
Bảo hiểm thất nghiệp	66.290.939	44.758.371
Phải trả, phải nộp khác	42.623.165.241	41.901.847.643
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và xây dựng Tư kỳ</i>	-	5.000.000.000
<i>Phải trả Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam</i>	2.434.024.308	1.717.035.508
<i>Phải trả cổ tức</i>	759.360.199	36.731.906
<i>Phải trả chi phí khoán công trình cho các Đội, Trung tâm và phải trả khác</i>	39.429.780.734	35.148.080.229
Tổng	46.200.493.869	44.626.885.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	13.008.620.120	13.008.620.120	16.668.382.391	13.612.187.280	9.952.425.009	9.952.425.009
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (1)	6.088.987.911	6.088.987.911	15.818.382.391	12.632.187.280	2.902.792.800	2.902.792.800
Các đối tượng khác (2)	6.919.632.209	6.919.632.209	850.000.000	980.000.000	7.049.632.209	7.049.632.209
<i>Vay có lãi suất</i>	<i>1.632.740.200</i>	<i>1.632.740.200</i>	<i>850.000.000</i>	<i>980.000.000</i>	<i>1.762.740.200</i>	<i>1.762.740.200</i>
<i>Vay không lãi suất</i>	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>	-	-	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>
Vay dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDEA (3)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	33.008.620.120	33.008.620.120	16.668.382.391	13.612.187.280	29.952.425.009	29.952.425.009

Trong đó:

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 21082020/TPB.BDI ngày 21 tháng 8 năm 2020; thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay linh động theo từng lần nhân nợ; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.

Tài sản đảm bảo là Quyền và tài sản trên đất 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;

- (2) Khoản vay không có lãi suất với số tiền 5.286.892.009 đồng là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ Công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo, khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ công nhân viên.

Một số khoản vay cá nhân khác số tiền 1.632.740.200 đồng, thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo, lãi suất là 8,6%/năm.

- (3) Hợp đồng vay số 104/VIDEC-USCO ngày 18/12/2017, số tiền vay 20 tỷ đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay trên 12 tháng, mục đích vay mua 2.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân; Phụ lục gia hạn hợp đồng vay dài hạn đến 18/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	55.000.000.000	1.591.713.060	3.875.725.916	60.467.438.976
Tăng trong năm	-	387.794.437	2.437.131.255	2.824.925.692
Lãi trong năm	-	-	2.437.131.255	2.437.131.255
Phân phối lợi nhuận	-	387.794.437	-	387.794.437
Giảm trong năm	-	-	3.875.725.916	3.875.725.916
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.356.725.916	1.356.725.916
Chia cổ tức	-	-	2.519.000.000	2.519.000.000
Số dư tại 31/12/2020	55.000.000.000	1.979.507.497	2.437.131.255	59.416.638.752
Số dư tại 01/01/2021	55.000.000.000	1.979.507.497	2.437.131.255	59.416.638.752
Tăng trong năm	-	-	2.323.262.908	2.323.262.908
Lãi trong năm	-	-	2.323.262.908	2.323.262.908
Giảm trong năm	-	-	2.437.131.255	2.437.131.255
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	413.131.255	413.131.255
Chia cổ tức (i)	-	-	2.024.000.000	2.024.000.000
Số dư tại 31/12/2021	55.000.000.000	1.979.507.497	2.323.262.908	59.302.770.405

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 20/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng Cổ đông:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 413.131.255 đồng.
- Chia cổ tức năm 2020: 2.024.000.000 đồng (368 VND/cổ phiếu).

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	31.766.000.000	31.766.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	23.234.000.000	23.234.000.000
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức đã chia	2.024.000.000	2.519.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	413.131.255	968.931.479
Quỹ đầu tư phát triển	-	387.794.437

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.979.507.497	1.979.507.497
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	610.690.005	788.765.477

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	68.661.026.435	48.910.772.678
Doanh thu hoạt động xây lắp	72.237.534.600	179.475.507.463
Tổng	140.898.561.035	228.386.280.141

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	55.275.077.723	36.657.513.496
Giá vốn hoạt động xây lắp	68.800.522.366	172.154.298.145
Tổng	124.075.600.089	208.811.811.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.640.500	363.216.824
Tổng	40.640.500	363.216.824

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	242.817.669	77.366.667
Tổng	242.817.669	77.366.667

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý	13.681.272.469	16.226.615.696
Chi phí nhân viên quản lý	4.931.499.022	4.265.071.986
Chi phí vật liệu quản lý	1.196.293.729	109.329.694
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.476.000	557.019.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	707.372.077	668.348.377
Thuế phí và lệ phí	153.412.875	240.247.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.252.110.430	2.760.650.757
Chi phí bằng tiền khác	4.436.108.336	7.625.948.405
Tổng	13.681.272.469	16.226.615.696

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	271.818.182
Thu nhập cho thuê địa điểm kinh doanh	526.009.407	1.992.147.601
Thu nhập khác	42.824.045	53.681.673
Tổng	568.833.452	2.317.647.456
Chi phí khác		
Các khoản phạt và truy thu thuế	126.782.808	128.344.658
Lãi chậm nộp BHXH	167.401.785	15.224.363
Chi phí trả tiền thuê nhà	413.482.135	1.754.765.782
Chi phí khác	55.548.382	955.680.840
Tổng	763.215.110	2.854.015.643
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(194.381.658)	(536.368.187)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.745.129.650	3.097.334.774
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	268.204.220	203.682.821
Chi phí không được trừ	268.204.220	203.682.821
Thu nhập tính thuế	3.013.333.870	3.301.017.595
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	602.666.774	660.203.519
- Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 406/2021/NQ-UBTVQ115	(180.800.032)	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	421.866.742	660.203.519

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.323.262.908	2.437.131.255
<i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL</i>	-	413.131.255
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.323.262.908	2.024.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	422,41	368,00

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

(*) Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	Năm 2020 Trình bày lại VND	Năm 2020 đã trình bày VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.437.131.255	2.437.131.255	-
Các khoản điều chỉnh	413.131.255	-	413.131.255
<i>Điều chỉnh giảm do trích Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>413.131.255</i>	<i>-</i>	<i>413.131.255</i>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.024.000.000	2.437.131.255	(413.131.255)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	368,00	443,11	(75,11)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.275.491.102	85.361.407.900
Chi phí nhân công	41.485.915.814	34.761.164.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.710.157.202	1.067.855.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.543.585.929	81.431.276.922
Chi phí khác bằng tiền	19.747.384.280	20.933.657.666
Tổng	174.762.534.327	223.555.362.686

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày 31/12/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị				
Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch	Lương và Thù lao	324.000.000	324.000.000
Ông Nguyễn Lâm Cường	Thành viên	Thù lao	22.000.000	24.000.000
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên	Thù lao	2.000.000	-
Bà Trần Linh Trang	Thành viên	Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ban Kiểm soát				
Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên	Thù lao	12.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên	Thù lao	-	18.000.000
Ban Giám đốc				
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	312.000.000	312.000.000
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Kế toán trưởng				
Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	Lương	276.000.000	276.000.000
Tổng			1.818.000.000	1.824.000.000

Các giao dịch khác với bên liên quan

	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Tiền cổ tức	1.168.988.800	1.454.882.800

Số dư với Các bên liên quan khác

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả khác				
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Lợi nhuận phải trả	1.717.035.508	1.717.035.508
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần		Cổ tức phải trả	668.988.800	-
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Phải trả khác	48.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT, với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập



Triệu Thị Giang

Kê toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng